

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua chủ trương thanh lý phương tiện vận tải và thiết bị máy móc)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP môi trường đô thị Gia Lâm

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm.

Căn cứ nhu cầu thực tế về quản lý, sử dụng tài sản của Công ty.

1. Lý do thanh lý:

Trong quá trình hoạt động, Công ty hiện có một số tài sản:

- Đã hư hỏng, không thể sửa chữa hoặc chi phí sửa chữa không hiệu quả;
- Lạc hậu về công nghệ, không còn phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Không còn nhu cầu sử dụng.

2. Danh mục tài sản thanh lý

STT	Loại tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Đơn vị: VND Giá trị còn lại (Tại 31/12/2025)
1	Phương tiện vận tải	26 chiếc	30.050.497.852	782.881.552
2	Máy móc thiết bị	2 chiếc	820.000.000	13.015.903
	Tổng cộng		30.870.497.852	795.897.455

(chi tiết tại danh mục tài sản thanh lý kèm theo tờ trình)

3. Phương án thanh lý

- Hình thức: bán đấu giá công khai
- Đối tác dự kiến: sẽ lựa chọn đối tác có giá chào mua cao nhất
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 - Quý IV/2026

4. Kiến nghị

- Thông qua chủ trương thanh lý các tài sản nêu trên;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc tổ chức thực hiện việc thanh lý, định giá lại tài sản theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cho phép điều chỉnh, bổ sung phương án thanh lý (nếu cần) nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu BKS./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
GIA LÂM
ĐƯƠNG MẠNH LƯƠNG

**DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2026**

Đơn vị: VND

TT	Tài sản	Giá trị tính khấu hao	Ngày ghi tăng	Giá trị còn lại đến 31/12/2025
I	Phương tiện vận tải	30.050.497.852		782.881.552
1	29C-922.57	1.512.377.273	31/07/2010	0
2	29C-921.54	1.869.650.000	31/08/2010	0
3	29C-922.86	1.763.440.000	30/06/2009	0
4	29C-922.48	665.500.000	31/12/2013	0
5	29C-922.53	665.500.000	31/12/2013	0
6	29C-531.81	1.226.566.914	30/06/2015	0
7	29C-531.54	1.226.566.914	30/06/2015	0
8	29C-951.18	329.956.060	11/08/2017	0
9	29C-951.70	329.956.061	11/08/2017	0
10	29C-951.78	329.956.061	11/08/2017	0
11	29LA-2937	2.139.321.250	31/01/2014	0
12	29LA-2936	1.510.762.000	31/01/2014	0
13	29C-381.01	2.218.568.750	31/07/2014	0
14	29C-381.33	2.218.568.750	31/07/2014	0
15	29C-911.12	240.500.000	09/06/2016	0
16	29C-911.16	240.500.000	09/06/2016	0
17	29C-911.26	240.500.000	09/06/2016	0
18	29C-910.46	240.500.000	09/06/2016	0
19	29C-910.91	240.500.000	09/06/2016	0
20	29C-967.38	791.409.091	25/11/2017	0
21	29C-999.62	1.414.136.364	10/09/2018	380.638.345
22	29H-160.89	1.414.136.364	05/11/2018	402.243.207
23	29C-025.37	1.602.826.000	31/01/2011	0
24	29C-044.87	1.741.150.000	30/04/2011	0
25	29C-922.60	1.741.150.000	30/06/2011	0
26	29C-922.68	2.136.500.000	31/05/2013	0
II	Máy móc thiết bị	820.000.000		13.015.903
1	Thiết bị cho trạm trung chuyển	620.000.000	30/09/2008	0
2	Máy xúc bánh xích loại nhỏ Yaman	200.000.000	15/06/2019	13.015.903
	TỔNG CỘNG	30.870.497.852		795.897.455